

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BÊ TÔNG BIÊN HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 – 30



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Tấn Trí	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2018)
Ông Trần Chí Hiếu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2018)
Ông Hồ Đình Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Khoa	Thành viên
Ông Mai Duy Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Hoàng Minh	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2017)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2017)
Ông Tạ Quang Thanh	Thành viên
Ông Lê Thế Dân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2018)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2018)
Ông Trần Chí Hiếu	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2018)
Ông Trần Hoàng Thái	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2017)
Ông Trần Chí Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2018)
Ông Nguyễn Nhật Tiến	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

Công ty có khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 56,59 tỷ đồng vượt vốn chủ sở hữu là 9.97 tỷ đồng, và tại ngày này, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 18,87 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Chí Hiều
Phó Tổng Giám đốc

Theo ủy quyền số 35B/TB-BCC ngày 01 tháng 03 năm 2018
Đồng Nai, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Y
TUV
NAM
Đ CH

Số: 18.379/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược**

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu với tổng số dự phòng ước tính là 51,07 tỷ đồng, chi tiết như sau:

- Dự phòng nợ phải thu cho Công ty TNHH MTV An Hòa - BCC – Công ty con của Công ty với số tiền ước tính là 48,80 tỷ đồng;
- Dự phòng nợ phải thu cho các đối tượng khác với số tiền ước tính là 2,27 tỷ đồng;

Như vậy, nếu các khoản dự phòng phải thu nêu trên được ghi nhận đầy đủ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thì chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” (Mã số 137) sẽ tăng là 51,07 tỷ đồng và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm đi 51,07 tỷ đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (Mã số 26) sẽ tăng là 51,07 tỷ và chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” (Mã số 50) sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 51,07 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán trái ngược

Theo ý kiến của chúng tôi, do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược”, báo cáo tài chính riêng đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.


Vấn đề nhấn mạnh

Như được nêu tại mục 2.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính thì số lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2017 của Công ty là 56,59 tỷ đồng vượt quá vốn điều lệ là 9,97 tỷ đồng, và tại ngày này, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 18,87 tỷ đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2018


Nguyễn Thị Hải Yên
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2843-2016-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.285.840.246	85.134.934.130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		317.807.638	378.397.578
1. Tiền	111	4.1	317.807.638	378.397.578
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.887.686.985	80.931.639.531
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	57.818.711.399	68.271.666.893
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	18.055.258.573	19.006.703.958
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	3.491.584.380	3.235.147.549
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(20.477.867.367)	(9.581.878.869)
III. Hàng tồn kho	140		2.080.345.623	3.722.117.021
1. Hàng tồn kho	141	4.5	2.080.345.623	3.722.117.021
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	102.780.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	102.780.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.592.833.687	14.427.301.958
I. Tài sản cố định	220		9.592.833.687	10.761.728.509
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	9.592.833.687	10.761.728.509
Nguyên giá	222		37.248.187.603	37.333.187.603
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.655.353.916)	(26.571.459.094)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		-	3.665.573.449
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.148.578.509
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	2.516.994.940
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		70.878.673.933	99.562.236.088

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		80.846.966.100	85.906.852.604
I. Nợ ngắn hạn	310		80.158.366.100	84.310.252.604
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	48.832.810.521	54.448.388.551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	1.713.847.642	900.271.642
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	3.880.047.752	4.744.782.748
4. Phải trả người lao động	314	4.12	2.703.718.049	1.171.587.465
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		604.184.179	743.196.904
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	2.953.962.896	1.455.668.999
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	19.469.172.248	20.845.733.482
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		622.813	622.813
II. Nợ dài hạn	330		688.600.000	1.596.600.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	688.600.000	1.596.600.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(9.968.292.167)	13.655.383.484
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15.1	(9.968.292.167)	13.655.383.484
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.15.2	45.000.000.000	45.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.609.818.000	1.609.818.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.148.578.509
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.813.015	5.403.435
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(56.589.923.182)	(34.108.416.460)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(34.108.416.460)	(29.811.405.632)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(22.481.506.722)	(4.297.010.828)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		70.878.673.933	99.562.236.088



Trần Chí Hiếu
Phó Tổng Giám đốc
 Theo ủy quyền số 35B/TB-BCC
 ngày 01 tháng 03 năm 2018
 Đồng Nai, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Trần Văn Phúc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		65.286.380.439	122.847.666.413
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		169.150.909	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	65.117.229.530	122.847.666.413
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	63.894.770.087	112.601.180.816
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.222.459.443	10.246.485.597
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.243.539	7.813.044
7. Chi phí tài chính	22	5.3	2.212.081.231	1.965.747.325
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.649.355.496	1.930.256.502
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	18.608.512.915	8.015.597.782
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(19.596.891.164)	272.953.534
10. Thu nhập khác	31		264.299.606	94.058.718
11. Chi phí khác	32		631.920.224	52.900.000
12. Lợi nhuận khác	40		(367.620.618)	41.158.718
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(19.964.511.782)	314.112.252
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.6	2.516.994.940	4.611.123.080
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(22.481.506.722)	(4.297.010.828)

**Trần Chí Hiếu****Phó Tổng Giám đốc**

Theo ủy quyền số 35B/TB-BCC

ngày 01 tháng 03 năm 2018

Đồng Nai, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Trần Văn Phúc**Kế toán trưởng****Nguyễn Thị Thanh Thủy****Người lập**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(19.964.511.782)	314.112.252
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	1.168.894.822	952.092.288
Các khoản dự phòng	03		10.895.988.498	(304.018.790)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(95.793.027)	(44.142.621)
Chi phí lãi vay	06	5.3	1.649.355.496	1.930.256.502
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(6.346.065.993)	2.848.299.631
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.147.964.048	(756.161.068)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.641.771.398	115.755.037
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.100.693.523)	4.258.889.456
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.251.358.509	(1.057.206.509)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.534.156.172)	(1.921.715.860)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(237.453.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.060.178.267	3.250.406.693
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2.559.237.589)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		95.454.545	43.700.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		338.482	7.396.471
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		95.793.027	(2.508.141.118)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	35.763.611.409	52.700.058.387
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(36.980.172.643)	(54.181.363.661)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.216.561.234)	(1.481.305.274)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(60.589.940)	(739.039.699)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		378.397.578	1.117.437.277
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	317.807.638	378.397.578



Trần Chí Hiếu
Phó Tổng Giám đốc

Theo ủy quyền số 35B/TB-BCC

ngày 01 tháng 03 năm 2018

Đồng Nai, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Trần Văn Phúc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Thùy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600448180 ngày 07 tháng 05 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 05 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 45 tỷ đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị VND	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty xây dựng số 1 – Công ty Cổ phần	Việt Nam	18.412.820.000	40,92	18.412.820.000	40,92
Vốn góp của các đối tượng khác		26.587.180.000	59,08	26.587.180.000	59,08
Cộng		45.000.000.000	100,00	45.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 124 (31/12/2016: 122).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm;
- Sản xuất cấu kiện kim loại phục vụ xây dựng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, nhà ở;
- Kinh doanh nhà.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 01 công ty con trực tiếp như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Một Thành Viên An Hòa - BCC	KCN Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	100%	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.4. Giả định hoạt động liên tục

Công ty có khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 56,59 tỷ đồng vượt vốn chủ sở hữu là 9,97 tỷ đồng, và tại ngày này, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 18,87 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng ngoại thương - Chi nhánh Biên Hòa;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua/bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	07 - 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	10 năm

3.8. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ luật lao động 2012, đối với người lao động đã có thời gian làm việc thường xuyên cho Công ty từ đủ 12 tháng trở lên ("người lao động thỏa điều kiện") khi chấm dứt hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho người lao động đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương bình quân của người lao động đó được tính theo quy định.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho những người lao động thỏa điều kiện cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán được lập dựa trên số năm làm việc của người lao động là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong sáu tháng liền kề tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc này sẽ được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động 2012.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và các chi phí khác.

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính mức thuế suất là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	4.409.720	18.320.563
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	313.397.918	360.077.015
Cộng	317.807.638	378.397.578

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng HUD 102	3.932.001.000	3.932.001.000
Công ty CP Xây dựng 14-9	1.494.351.814	3.902.152.028
Công ty CP Đầu tư Nam Quân	1.409.658.480	-
Công ty CP Xây dựng Công trình Đường Thủy 2	1.139.575.699	1.139.575.699
Công ty TNHH Xây Dựng Tâm Cao Việt	1.128.172.499	1.597.286.499
Công ty CP Chương Dương	121.989.891	3.807.882.000
Các khách hàng khác	17.377.332.394	21.040.388.017
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 7	31.215.629.622	32.852.381.650
Cộng	57.818.711.399	68.271.666.893

4.3. Trả trước ngắn hạn cho người bán

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Các nhà cung cấp khác	472.829.180	1.082.631.688
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	17.582.429.393	17.924.072.270
Cộng	18.055.258.573	19.006.703.958

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	950.998.603	(421.404.000)	1.758.326.680	-
Ký cược, ký quỹ	17.724.338	-	139.323.560	-
Phải thu khác	2.522.861.439	(1.183.998.000)	1.337.497.309	-
Cộng	3.491.584.380	(1.605.402.000)	3.235.147.549	-

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	618.994.651	-	2.120.071.242	-
Công cụ, dụng cụ	23.678.966	-	14.547.262	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	192.183.085	-	-	-
Thành phẩm	1.245.488.921	-	1.587.498.517	-
Cộng	2.080.345.623	-	3.722.117.021	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, trả trước cho người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	20.521.752.117	43.884.750	12.748.063.889	3.166.185.020
Cộng	20.521.752.117	43.884.750	12.748.063.889	3.166.185.020

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, trả trước cho người bán theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng:						
Công ty CP Đầu tư Xây dựng HUD 102	3.932.001.000	-	Trên 3 năm	3.932.001.000	-	Trên 3 năm
Công ty CP Xây dựng Công trình Đường Thủy 2	1.139.575.699	-	Trên 3 năm	1.139.575.699	-	Trên 3 năm
Công ty CP Xây dựng 14-9	1.494.351.814	-	Trên 3 năm	3.902.152.028	2.731.506.420	Từ 2 - 3 năm
Công ty TNHH Kinh Bang	754.410.657	-	Trên 3 năm	754.410.657	-	Trên 3 năm
Các công ty khác	11.339.710.947	43.884.750	Trên 3 năm	3.019.924.505	434.678.600	Trên 3 năm
Cộng	18.660.050.117	43.884.750		12.748.063.889	3.166.185.020	
Trả trước người bán:						
Công ty TNHH Tiến Nam Phát	104.500.000	-	Trên 3 năm	-	-	-
Các đối tượng khác	151.800.000	-	Trên 3 năm	-	-	-
Cộng	256.300.000	-		-	-	
Phải thu khác:						
Lương Văn Sơn	381.404.000	-	Trên 3 năm	-	-	-
Các đối tượng khác	1.223.998.000	-	Trên 3 năm	-	-	-
Cộng	1.605.402.000	-		-	-	
Tổng cộng	20.521.752.117	43.884.750		12.748.063.889	3.166.185.020	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	7.009.956.822	28.079.101.409 (85.000.000)	2.095.129.372	149.000.000	37.333.187.603 (85.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	7.009.956.822	27.994.101.409	2.095.129.372	149.000.000	37.248.187.603
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2017	6.058.223.187	18.431.248.598	2.000.436.254	81.551.055	26.571.459.094
Khấu hao trong năm	90.061.920	1.044.335.974 (85.000.000)	31.564.368	2.932.560	1.168.894.822 (85.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	6.148.285.107	19.390.584.572	2.032.000.622	84.483.615	27.655.353.916
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	951.733.635	9.647.852.811	94.693.118	67.448.945	10.761.728.509
Tại ngày 31/12/2017	861.671.715	8.603.516.837	63.128.750	64.516.385	9.592.833.687

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 36.775.457.605 đồng - Xem thêm mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.141.099.604 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Là khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Một thành viên An Hòa - BCC với tỷ lệ 100%. Đến ngày 31/12/2017, Công ty con đang có khoản lỗ vượt vốn nên Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Phương Nga	5.406.062.307	5.406.062.307	5.132.800.662	5.132.800.662
Công ty TNHH Thành Lợi	4.285.176.238	4.285.176.238	4.285.176.238	4.285.176.238
Phải trả cho các đối tượng khác	34.250.302.614	34.250.302.614	40.139.142.289	40.139.142.289
Phải trả người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	4.891.269.362	4.891.269.362	4.891.269.362	4.891.269.362
Cộng	48.832.810.521	48.832.810.521	54.448.388.551	54.448.388.551

4.10. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	600.000.000	-
Các công ty khác	793.438.000	579.862.000
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	320.409.642	320.409.642
Cộng	1.713.847.642	900.271.642

4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	380.529.842	1.107.886.003	1.265.738.450	222.677.395
Thuế thu nhập doanh nghiệp	326.396.916	-	-	326.396.916
Thuế thu nhập cá nhân	48.468.273	10.395.893	46.058.693	12.805.473
Các loại thuế khác	3.989.387.717	60.350.478	731.570.227	3.318.167.968
Cộng	4.744.782.748	1.178.632.374	2.043.367.370	3.880.047.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người lao động**

Là khoản lương tháng 11; tháng 12 và thưởng năm 2017 còn phải trả cho người lao động.

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	2.141.051.970	738.226.419
Cổ tức phải trả là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	637.481.140	637.481.140
Cổ tức phải trả khác	8.233.440	8.233.440
Phải trả khác	167.196.346	71.728.000
Cộng	2.953.962.896	1.455.668.999

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Biên Hòa	18.495.984.122	18.495.984.122	34.615.611.409	35.878.423.283	17.233.172.248	17.233.172.248
Ngân hàng VID Public Bank	1.101.749.360	1.101.749.360	-	1.101.749.360	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.068.000.000	1.068.000.000	908.000.000	-	1.976.000.000	1.976.000.000
Vay cá nhân	180.000.000	180.000.000	80.000.000	-	260.000.000	260.000.000
Cộng	20.845.733.482	20.845.733.482	35.603.611.409	36.980.172.643	19.469.172.248	19.469.172.248
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Biên Hòa	2.664.600.000	2.664.600.000	-	1.068.000.000	1.596.600.000	1.596.600.000
Từ nợ dài hạn đến hạn trả	(1.068.000.000)	(1.068.000.000)	1.068.000.000	908.000.000	(908.000.000)	(908.000.000)
Cộng	1.596.600.000	1.596.600.000	1.068.000.000	1.976.000.000	688.600.000	688.600.000
Tổng cộng	22.442.333.482	22.442.333.482	36.671.611.409	38.956.172.643	20.157.772.248	20.157.772.248

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn chịu lãi suất từ 7,5%/năm đối với VND và các khoản vay ngân hàng dài hạn với thời hạn 5 năm và chịu lãi suất từ 10,4%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Toàn bộ nhà xưởng, công trình xây dựng trên đất tại đường Số 1A, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, máy móc, phương tiện vận tải với nguyên giá là 36.775.457.605 đồng - Xem thêm mục 4.7.

4.15. Vốn chủ sở hữu**4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2016	45.000.000.000	1.609.818.000	1.652.254.535	990.996.407	(29.811.405.632)	19.441.663.310
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(4.297.010.828)	(4.297.010.828)
Sử dụng quỹ	-	-	(503.676.026)	(985.592.972)	-	(1.489.268.998)
Tại ngày 01/01/2017	45.000.000.000	1.609.818.000	1.148.578.509	5.403.435	(34.108.416.460)	13.655.383.484
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(22.481.506.722)	(22.481.506.722)
Sử dụng quỹ	-	-	(1.148.578.509)	-	-	(1.148.578.509)
Tặng khác	-	-	-	6.409.580	-	6.409.580
Tại ngày 31/12/2017	45.000.000.000	1.609.818.000	-	11.813.015	(56.589.923.182)	(9.968.292.167)

Trong năm, Công ty đã sử dụng quỹ đầu tư phát triển để bù đắp khoản chi phí trả trước với số tiền là 1.148.578.509 đồng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông số 48/NQ-BCC-DHCD, ngày 26 tháng 04 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổng công ty xây dựng số 1 – Công ty Cổ phần	18.412.820.000	18.412.820.000
Vốn góp của các đối tượng khác	26.587.180.000	26.587.180.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

4.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.500.000	4.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	287.818.241	281.319.459
Cộng	287.818.241	281.319.459

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngoại tệ các loại:		
USD	228,86	241,70

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:	1.988.079.181	1.409.947.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu từ bán bê tông ly tâm	41.270.272.796	61.154.501.374
Doanh thu từ bán bê tông tươi	19.679.509.634	40.933.308.182
Doanh thu từ bán bê tông đúc sẵn	2.798.440.470	14.621.607.211
Doanh thu từ bán thành phẩm khác	495.324.075	3.769.975.990
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.042.833.464	2.368.273.656
Cộng	65.286.380.439	122.847.666.413
Các khoản giảm trừ doanh thu	(169.150.909)	-
Cộng	65.117.229.530	122.847.666.413
Trong đó, doanh thu với các bên có liên quan – Xem thêm mục 7	5.366.964.510	8.235.129.073

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của bê tông ly tâm	38.244.266.966	52.344.998.953
Giá vốn của bê tông tươi	21.170.112.846	40.710.278.338
Giá vốn của bê tông đúc sẵn	2.518.918.790	13.170.793.328
Giá vốn của thành phẩm khác	1.961.471.485	6.375.110.197
Cộng	63.894.770.087	112.601.180.816

5.3. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	1.649.355.496	1.930.256.502
Khác	562.725.735	35.490.823
Cộng	2.212.081.231	1.965.747.325

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.462.563.693	4.680.303.240
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	425.565.831	494.876.581
Chi phí khấu hao tài sản cố định	106.768.753	96.815.171
Chi phí dự phòng	10.895.988.498	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.483.140.116	1.395.960.390
Chi phí bằng tiền khác	1.234.486.024	1.347.642.400
Cộng	18.608.512.915	8.015.597.782

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.433.524.426	82.240.533.123
Chi phí nhân công	12.434.921.099	15.452.019.322
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.168.894.821	952.092.287
Chi phí dự phòng	10.895.988.498	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.503.862.513	4.641.708.527
Chi phí khác bằng tiền	1.234.486.024	1.347.642.400
Cộng	76.671.677.381	104.633.995.659

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với khoản chuyển lỗ năm 2013 và năm 2014.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	35.763.611.409	52.700.058.387

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(36.980.172.643)	(54.181.363.661)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty TNHH Một Thành Viên An Hòa - BCC
2. Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – Công ty Cổ phần
3. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty con
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 4.2:		
Công ty TNHH Một Thành Viên An Hòa - BCC	31.215.629.622	32.852.381.650
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán - Xem thêm mục 4.3:		
Công ty TNHH Một Thành Viên An Hòa - BCC	17.582.429.393	17.924.072.270
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả người bán - Xem thêm mục 4.9:		
Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – Công ty Cổ phần	(4.891.269.362)	(4.891.269.362)
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Người mua trả tiền trước – Xem thêm mục 4.10:		
Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – Công ty Cổ phần	(320.409.642)	(320.409.642)
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả ngắn hạn khác – Xem thêm mục 4.13:		
Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – Công ty Cổ phần	(637.481.140)	(637.481.140)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2017</u> VND	<u>Năm 2016</u> VND
Bán hàng – Xem thêm mục 5.1:		
Công ty TNHH Một Thành Viên An Hòa - BCC	5.366.964.510	8.235.129.073
	<u>Năm 2017</u> VND	<u>Năm 2016</u> VND
Mua hàng và dịch vụ:		
Công ty TNHH Một Thành Viên An Hòa BCC	5.580.050.786	6.796.207.842
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:		
	<u>Năm 2017</u> VND	<u>Năm 2016</u> VND
Thù lao và thu nhập	508.845.169	456.687.265

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Năm 2017</u> VND	<u>Năm 2016</u> VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	287.818.241	281.319.459
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:		
	<u>Tại ngày</u> 31/12/2017 VND	<u>Tại ngày</u> 01/01/2017 VND
Từ 1 năm trở xuống	287.818.241	281.319.459
Cộng	287.818.241	281.319.459

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.




Trần Chí Hiếu
Phó Tổng Giám đốc
Theo ủy quyền số 35B/TB-BCC
ngày 01 tháng 03 năm 2018
Đồng Nai, ngày 19 tháng 03 năm 2018


Trần Văn Phúc
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Thùy
Người lập

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +844 3795 5353
F +844 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 511 363 3334
F +84 511 363 3334

